TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/DS - PT
Ngày: 27 – 5 – 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Đình Quảng

Các Thẩm phán: Ông Trần Hoài Sơn

Ông Vũ Việt Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Đức, Thư ký Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2019/TLPT- DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Toà án nhân dân quận H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2019/QĐ- PT ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ trụ sở: Tháp B, 35 H, quận X, Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh H: Số 339 đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tấn M; chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng cá nhân - Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh H, thành phố Đà Nẵng (theo Quyết định ủy quyền số 8695/QĐ ngày 28/10/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP A và Quyết định ủy quyền lại tham gia tố tụng số 09/QĐ.HV ngày 02/01/2018 của Giám đốc Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh H. Có mặt.

– *Bị đơn*: Ông P, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 726 đường B, phường C, quận D, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

– *Người kháng cáo:* Ông P, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngân hàng TMCP A *(sau đây viết tắt là Ngân hàng)* và ông P có ký kết 02 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 001/2012/HĐ ngày 02/7/2012, ông P vay 45.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất áp dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng là 16,5%/năm. Tính đến ngày 27/02/2019 ông P còn nợ tiền vay 11.500.000đ, nợ lãi trong hạn: 8.971.747đ, nợ lãi quá hạn: 3.843.431đ.

- Hợp đồng tín dụng số 001/2013/HĐ ngày 10/10/2013 số tiền vay 20.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất áp dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng là 12,5%/năm. Tính đến ngày 27/02/2019, ông P còn nợ tiền vay: 16.640.000đ, nợ lãi trong hạn: 9.092.090đ, nợ lãi quá hạn: 3.339.627đ.

Theo đơn khởi kiện và trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm Ngân hàng cho rằng từ năm 2014 đến nay ông P không trả thêm nợ mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo yêu cầu trả nợ. Ngân hàng yêu cầu ông P trả số nợ từ 02 Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, thực hiện gồm nợ gốc 28.140.000đ, nợ lãi trong hạn: 18.063.837đ, lãi quá hạn: 7.183.058đ, tổng cộng cả gốc và lãi: 53.386.895đ.

Quá trình giải quyết vụ án ông P không có mặt tại Tòa án cấp sơ thẩm nên không có ý kiến trình bày về vụ kiện.

Với nội dung vụ án như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và quyết định:

- Căn cứ các điều 471, 472, 473, 474 Bộ luật Dân sự 2005;

- Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP A đối với bị đơn ông P**.**

Xử: Buộc ông P phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền: 53.386.897 đồng, trong đó nợ gốc: 28.140.000 đồng, nợ lãi trong hạn 18.063.837 đồng, nợ lãi quá hạn: 7.183.060 đồng (lãi tính đến ngày 27.02.2019).

Ông P còn phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày 28/02/2019 trên số tiền gốc chưa thanh toán, bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết cho đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án dân sự.

Ngày 21/3/2019, ông P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với những lý do sau: Bản án sơ thẩm đã ghi Hợp đồng tín dụng số 001/2012/HĐ có lãi suất tối đa 16,5%/tháng là không đúng, mà là 16,5%/năm; Hợp đồng tín dụng số 001/2013/HĐ lãi suất tối đa 12,5%/tháng là không đúng, mà là 12,5%/năm.

Quá trình thực hiện 02 hợp đồng vay, tính đến ngày 08/4/2014, ông P đã trả được 33.500.000đ. Sau đó tiếp tục trả tiền vào các ngày: 18/9/2017, số tiền 1.500.000 đồng; 8/10/2018, trả 1.500.000 đồng; 22/02/2019 trả 1.500.000 đồng; ngày 13/3/2019 trả 1.500.000 đồng. Tuy nhiên, Ngân hàng cho rằng từ ngày 08/4/2014 ông không trả nợ là không đúng. Ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung khởi kiện của nguyên đơn và xác định lại nợ gốc và lãi vay cho đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ngân hàng trình bày: thực tế sau ngày 08/4/2014 ông P có trả nợ và tất cả các lần ông P trả được Ngân hàng trừ vào nợ gốc cho Hợp đồng số 001/2012/HĐ, cụ thể: số tiền 1.500.000 đồng nộp ngày 18/9/2017 được trừ trước khi khởi kiện; số tiền 1.500.000 đồng nộp ngày 08/10/2018 và 1.500.000 đồng nộp ngày 22/02/2019 đã được trừ nên nợ gốc giảm đến ngày xét xử sơ thẩm còn 11.500.000 đồng (giảm 3.000.000 đồng so với thời điểm khởi kiện).

Số tiền 1.500.000 đồng ông P nộp ngày 13/3/2019 là sau thời điểm xét xử sơ thẩm, được Ngân hàng trừ vào nợ gốc cho Hợp đồng tín dụng số 001/2012/HĐ, nên nợ gốc còn lại đến ngày xét xử phúc thẩm là 10.000.000 đồng.

Ông P thống nhất với số nợ gốc và lãi đến ngày hôm nay theo trình bày của Ngân hàng. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

Số tiền ông P còn nợ từ 2 Hợp đồng tín dụng đến này xét xử phúc thẩm 27/5/2019 là 52.989.400 đồng, trong đó nợ gốc: 26.640.000 đồng, nợ lãi trong hạn 18.798.839 đồng, nợ lãi quá hạn: 7.550.561 đồng.

Thời hạn thanh toán được các bên thỏa thuận như sau: Đến ngày 30/6/2019 ông P trả hết nợ gốc 26.640.000 đồng; đến ngày 30/8/2019 trả hết nợ lãi trong hạn là 18.798.839 đồng; đến ngày 30/10/2019 trả hết nợ lãi quá hạn: 7.550.561 đồng. Từ ngày 28/5/2019 ông P còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng trên số nợ gốc chưa thanh toán, bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn theo theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả xong nợ gốc. Về án phí sơ thẩm ông Pchịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kháng cáo của ông P và sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do vậy ngoài áp dụng Bộ luật Dân sự cần áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng về lãi, lãi suất để giải quyết;

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận H trong phần nội dung, nhận định thể hiện mức lãi suất tối đa 16,5%/tháng trong Hợp đồng tín dụng số 001/2012/HĐ; 12,5%/tháng trong Hợp đồng tín dụng số 001/2013/HĐ là sai sót, không đúng với lãi suất các bên thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng là 16,5%/năm và 12,5%/năm.

[2] Thực tế sau ngày 08/4/2014 ông P có trả nợ, tuy nhiên các lần ông P nộp tiền theo đơn kháng cáo đã được Ngân hàng trừ vào nợ gốc cho Hợp đồng tín dụng số 001/2012/HĐ. Số tiền 1.500.000 đồng ông P nộp ngày 13/3/2019 được tiếp tục trừ vào nợ gốc cho Hợp đồng tín dụng số 001/2012/HĐ, nên nợ gốc còn lại của hợp đồng này đến ngày xét xử phúc thẩm là 10.000.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa các đương sự thống nhất số tiền phải trả về nợ gốc, nợ lãi phát sinh đến ngày xét xử phúc thẩm là 52.989.400 đồng, đồng thời thỏa thuận về thời gian trả nợ và sự thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm Ông P chịu 2.649.470 đồng

Ông P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng; Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Toà án nhân dân quận H, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1/ Ông P có nghĩa vụ trả Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền là 52.989.400 đồng *(năm mươi hai triệu, chín trăm tám mươi chín ngàn, bốn trăm đồng)*, trong đó nợ gốc: 26.640.000 đồng, nợ lãi trong hạn 18.798.839 đồng, nợ lãi quá hạn: 7.550.561 đồng (lãi tính đến ngày 27/5/2019). Thời gian trả nợ như sau:

- Đến ngày 30/6/2019 trả hết nợ gốc 26.640.000 đồng.
- Đến ngày 30/8/2019 trả hết nợ lãi trong hạn 18.798.839 đồng.
- Đến ngày 30/10/2019 trả hết nợ lãi quá hạn 7.550.561 đồng.

Kể từ ngày 28/5/2019 ông P còn phải trả lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A trên số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 001/2012/HĐ ngày 02/7/2012 và Hợp đồng tín dụng số 001/2013/HĐ ngày 10/10/2013 cho đến khi trả xong nợ gốc.

2/ Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm ông P chịu 2.649.470 đồng

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 1.335.363 đồng theo Biên lai thu số 4167 ngày 07 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Ông P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông P số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ đã nộp theo biên lai số 4614 ngày 26/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- TAND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Đình Quảng